

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAM RÔNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 08/8/2017

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAM RÔNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông: Trần Ngọc Bân.

- Bà: Nguyễn Thị Bé.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hồng Chiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Biên - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2017; Tại hội trường trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án lý số: 25/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2017/QĐXX-ST ngày 24 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu L**; Sinh năm 1982;

Địa chỉ: Đội 3, Tổ 5, thị trấn L, huyện B, tỉnh Đ;

Vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Khắc Đ**; Sinh năm 1985;

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện R, tỉnh Đ;

Vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 26 tháng 4 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu L trình bày:

Bà L và ông Nguyễn Khắc Đ có quen biết và tìm hiểu nhau khoảng 20 ngày thì quyết định đi đến quan hệ hôn nhân, ông bà có đăng ký kết hôn vào ngày 24/5/ 2010 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện R tỉnh Đ và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn, ông bà làm ăn sinh sống tại thôn Thôn T, xã N, huyện R.

Khoảng đầu năm 2012 vợ chồng ông bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp, không tin tưởng nhau, không quan tâm đến nhau. Bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải được, mục đích hôn nhân không đạt được và vợ chồng ông bà đã ly thân từ ngày 20/11/2012 cho đến nay. Do đó, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà L yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Khắc Đ.

Về con chung: Ông bà có với nhau 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu A, sinh ngày 27 tháng 3 năm 2011. Bà L yêu cầu Tòa án giao con chung cho bà nuôi dưỡng và không ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của bị đơn ông Nguyễn Khắc Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đ thống nhất về quan hệ hôn nhân như lời trình của bà L; Tuy nhiên, theo ông Đ nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không hòa hợp trong cách sống, suy nghĩ nên có đôi lúc cãi vã. Qua yêu cầu ly hôn của bà L thì ông Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn và ông bà đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2012 đến nay nên ông chấp nhận yêu được ly hôn với bà L.

Về con chung: Ông Đ thống nhất như lời trình bày của bà L và ông Đ yêu cầu Tòa án giao con chung cho bà L nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Vụ án được Tòa án hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký; Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho bà L và ông Đ được ly hôn; Về con chung: giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu L và bị đơn ông Nguyễn Khắc Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Căn cứ Khoản 1 Điều 228; Điểm a, b Khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu L và ông Nguyễn Khắc Đ đã tự nguyện đi đến quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 24/5/2010 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện R, tỉnh Đ nên xác định quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông Đ là hợp pháp. Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, không quan tâm chăm sóc, lo toan cho cuộc sống gia đình, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của nguyên đơn bà L.

[3] Về con chung: Bà L và ông Đ có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu A, sinh ngày 27 tháng 3 năm 2011. Xét bà L, ông Đ đều thống nhất thỏa thuận giao con chung cho L trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận thỏa thuận về trách nhiệm nuôi con chung và giao con chung là cháu Nguyễn Thị Thu A cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu L và bị đơn ông Nguyễn Khắc Đ được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Thu A, sinh ngày 27 tháng 3 năm 2011 cho bà Nguyễn Thị Thu L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Thị Thu A đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Khắc Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi việc cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc nguyên đơn Nguyễn Thị Thu L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án

phí bà Nguyễn Thị Thu L đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2015/0003954 ngày 26 tháng 4 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng;
- VKSNDH. Đam Rông;
- CC THADS H. Đam Rông;
- UBND xã N, huyện R, tỉnh Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Đặng Ngọc Bình